TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **T PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2020/HNGĐ-ST
Ngày 09-6-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, T PHỐ HẢI PHÒNG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chương

Ông Đỗ Văn Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, T phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, T phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, T phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Ngọc L; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện T, T phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Trung T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng. Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 4, Hà Nội; vắng mặt (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 04 tháng 02 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc L trình bày:

Chị Phạm Thị Ngọc L kết hôn với anh Phạm Trung T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, T

phố Hải Phòng vào ngày 04 tháng 12 năm 2015. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T mải chơi, sử dụng ma túy, thiếu quan tâm chăm sóc gia đình. Chị L đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi mắng lẫn nhau và đã sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay. Hiện anh Phạm Trung T đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 4, T phố Hà Nội. Chị Phạm Thị Ngọc L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Trung T. Chị và anh Phạm Trung T có 01 con chung tên Phạm Phạm Bảo An, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2015. Hiện con chung đang ăn ở, sinh sống cùng chị L. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị L và anh T tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Phạm Thị Ngọc L và anh Phạm Trung T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 25 tháng 4 năm 2020 bị đơn anh Phạm Trung T trình bày*:

Anh Phạm Trung T kết hôn với chị Phạm Thị Ngọc L trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, T phố Hải Phòng vào năm 2015. Quá trình chung sống anh T và chị L hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không quan tâm, chăm sóc vợ con. Hiện anh T đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 4, T phố Hà Nội. Nay chị L có yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý ly hôn. Quá trình chung sống anh và chị L có một con chung là Phạm Phạm Bảo An, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2015. Khi ly hôn anh T đồng ý để chị L trực tiếp nuôi con chung, do anh T đang đi cai nghiện nên đề nghị sau này sẽ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T và chị L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Ngọc L và anh Phạm Trung T. Giao con chung tên Phạm Phạm Bảo An, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2015 cho chị Phạm Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ

cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung chị L không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Chị Phạm Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao Giấy chứng minh nhân dân, bản sao sổ hộ khẩu, bản sao giấy khai sinh của con; bản sao Sổ thăm, gặp học viên; bản tự khai; biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, T phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Trung T tuy đang cai nghiện tại Cơ cở cai nghiện ma túy số 4, T phố Hà Nội nhưng có nơi cư trú tại thôn Đồng Quán, xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, T phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Phạm Trung T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Trung T.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc L và anh Phạm Trung T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, T phố Hải Phòng vào ngày 04 tháng 12 năm 2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T mải chơi, sử dụng ma túy, không quan tâm chăm sóc gia đình dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi mắng lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng chị L, anh T đã được gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện anh T đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 4, T phố Hà Nội. Chị Phạm Thị Ngọc L xin ly hôn, anh Phạm Trung T đồng ý. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Ngọc L và anh Phạm Trung T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Phạm Thị Ngọc L được ly hôn anh Phạm Trung T.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị Ngọc L và anh Phạm Trung T có 01 con chung là Phạm Phạm Bảo An, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2015. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, anh Phạm Trung T cũng đồng ý để chị L nuôi con. Xét từ khi anh T đi cai nghiện ma túy đến nay, chị Phạm Thị Ngọc

L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt nên căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho chị Phạm Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị L đề nghị để chị và anh T tự thỏa thuận giao nhận với nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Ngọc L và anh Phạm Trung T khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án, chị Phạm Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Ngọc L và anh Phạm Trung T.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Phạm Bảo An, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2015 cho chị Phạm Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Phạm Thị Ngọc L và anh Phạm Trung T tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Ngọc L và anh Phạm Trung T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000

đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, L phí Tòa án số 0003480 ngày 12 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên. Chị Phạm Thị Ngọc L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Ngọc L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Trung T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND T phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên (Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/12/2015);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hà

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN **T PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 40 phút, ngày 09 tháng 6 năm 2020

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, T phố Hải Phòng

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Mạnh

Ông Nguyễn Văn Chương

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 118/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về Ly hôn giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Ngọc L; địa chỉ: Thôn Đồng Quán, xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, T phố Hải Phòng;

- *Bị đơn:* Anh Phạm Trung T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đồng Quán, xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, T phố Hải Phòng. Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện số 4, T phố Hà Nội;

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

- Về nội dung vụ án:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Ngọc L và anh Phạm Trung T.

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Phạm Bảo An, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2015 cho chị Phạm Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị Phạm Thị Ngọc L và anh Phạm Trung T tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Ngọc L và anh Phạm Trung T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả biểu quyết 3/3.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, L phí Tòa án số 0003480 ngày 12 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên. Chị Phạm Thị Ngọc L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết 3/3.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Ngọc L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Trung T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút, ngày 09 tháng 6 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các T viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà